

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Trường.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Phạm Thị Thà.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị C**, sinh ngày 27/4/1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

2. Bị đơn: Anh **Mai Văn K**, sinh ngày 30/12/1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Ma Cao (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị C ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Bà **Vũ Thị Q**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Xóm 5, thôn N, xã A, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Chị C vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh K và bà Q vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị C trình bày:* Chị và anh Mai Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/9/2016. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không có ý thức vun vén, xây dựng hạnh phúc gia đình, anh mãi mê chơi bời, tụ tập đàn đúm bạn bè, không chung thủy và không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, anh K còn đánh đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị đã liên lạc với anh K để nói về việc ly hôn, anh K nhất trí. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Vũ Đức A, sinh ngày 19/10/2016, hiện con đang ở với bà ngoại là Vũ Thị Q. Chị C đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị vắng mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho bà Vũ Thị Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Vũ Đức A cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị C đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho bà Vũ Thị Q thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Trịnh Thị Đình (là mẹ đẻ anh K) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh K vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh K biết. Thông qua gia đình anh K trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Anh K xác định vợ chồng có 01 con chung như chị C trình bày là đúng, anh đồng ý để chị C được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, chị C không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh nhất trí. Trong thời gian chị C không có mặt tại Việt Nam anh nhất trí giao con Mai Vũ Đức A cho bà Vũ Thị Q chăm sóc cho đến khi chị C về nước. Vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người được chị C ủy quyền về việc nuôi dưỡng con chung và giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - bà Vũ Thị Q trình bày:* Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Vũ Đức A cho đến khi chị C về nước, bà không yêu cầu anh, chị phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Mai Vũ Đức A, đồng thời bà nhất trí nhận ủy quyền của chị C về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được

các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị C biết, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị C, anh K đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, quá trình chung sống vợ chồng có lời qua tiếng lại, không đoàn kết. Hiện tại vợ chồng đều đi lao động ở nước ngoài nhưng mỗi người ở một nơi khác nhau, vợ chồng không sống gần nhau nên không có sự quan tâm, chia sẻ. Nay chị C có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Vũ Thị C ly hôn anh Mai Văn K. Về con chung: Giao con chung Mai Vũ Đức A cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Mai Vũ Đức A cho bà Vũ Thị Q nuôi dưỡng trong thời gian chị C vắng mặt tại Việt Nam. Chị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị C và bị đơn anh Mai Văn K có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn L, xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương, hiện chị C đang lao động tại Nhật Bản, anh K đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh K cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh K và gia đình đã thông báo cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị C và anh K, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh K và bà Q có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị C và anh Mai Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/9/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K mãi mê chơi bời, tụ tập đàn đúm bạn bè, không chung thủy và không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả, anh K còn đánh đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Thông qua gia đình anh K cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ lâu không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị C ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị C và anh Mai Văn K có một con chung là Mai Vũ Đức A, sinh ngày 19/10/2016, hiện đang ở với bà Vũ Thị Q. Chị C đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời chị ủy quyền cho bà Vũ Thị Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Vũ Đức A cho đến khi chị về nước. Anh K nhất trí giao con chung cho chị C nuôi dưỡng và nhất trí giao cháu Mai Vũ Đức A cho bà Vũ Thị Q chăm sóc trong thời gian chị C không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Mai Vũ Đức A cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Mai Vũ Đức A cho bà Vũ Thị Q nuôi dưỡng trong thời gian chị C không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị C ly hôn anh Mai Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Mai Vũ Đức A, sinh ngày 19/10/2016 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C tạm thời không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị C không ở Việt Nam, tạm giao cháu Mai Vũ Đức A cho bà Vũ Thị Q chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0001730 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Vũ Thị Q nộp thay). Chị C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị C, bà Vũ Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Mai Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**  
**(Đã ký)**